

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 54/TTr-STP ngày 24 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức trần thù lao công chứng đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, sao chụp, đánh máy và các việc khác liên quan đến công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh;

b) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng (gọi chung là người có yêu cầu công chứng);

c) Đối với người có yêu cầu công chứng thuộc hộ nghèo (có sổ hộ nghèo đang còn giá trị pháp tại thời điểm công chứng) thì được miễn thù lao công chứng.

3. Mức trần thù lao công chứng

STT	Nội dung	Mức thu (Đồng) (Đã bao gồm thuế GTGT)
01	Soạn thảo Hợp đồng thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, mua bán, tặng cho, cho thuê, cho mượn, chia tách, đổi nhà đất, tài sản khác, hợp đồng góp vốn, vay tiền.	150.000
02	Soạn thảo Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh.	200.000



03	Soạn thảo Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô.	150.000
04	Soạn thảo Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy.	80.000
05	Soạn thảo Hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, phụ lục hợp đồng.	150.000
06	Soạn thảo Hợp đồng, văn bản hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	150.000
07	Soạn thảo Hợp đồng ủy quyền.	150.000
08	Soạn thảo Giấy ủy quyền.	100.000
09	Soạn thảo Văn bản cam đoan, cam kết.	100.000
10	Soạn thảo Hợp đồng khác, giao dịch khác.	150.000
11	Niên yết, thông báo hồ sơ thừa kế.	100.000
12	Soạn thảo Văn bản khai nhận, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.	100.000
13	Soạn thảo Di chúc.	150.000
14	Công bố di chúc.	50.000
15	Soạn thảo Văn bản từ chối nhận di sản.	50.000
16	Soạn thảo Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ, chồng, hộ gia đình.	150.000
17	Soạn thảo Văn bản thỏa thuận khác.	150.000
18	Kiểm tra, chỉnh sửa nội dung Hợp đồng thế chấp, cầm cố do Ngân hàng soạn thảo.	20.000
19	Kiểm tra, chỉnh sửa nội dung Hợp đồng, Văn bản giao dịch khác do khách hàng (không phải là Ngân hàng) soạn thảo.	100.000
20	Khai thác hồ sơ lưu công chứng.	20.000 đ/việc
21	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến hợp đồng, giao dịch	Tối đa 1000 đồng/01 tờ A4 Tối đa 3000 đồng/01 tờ A3

22	<p>Công chứng ngoài trụ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 05 km - Từ 05 km đến 10 km - Từ 10 km trở lên <p><i>Người yêu cầu công chứng ngoài trụ sở phải chi trả chi phí đi lại, ăn, ở ... của công chứng viên và chi áp dụng cho một lần công chứng tại một địa điểm đối với một văn bản công chứng.</i></p>	<p>200.000 400.000 2.000.000</p>
23	<p>Yêu cầu xác minh tài sản</p> <p><i>Người yêu cầu xác minh tài sản phải chi trả chi phí đi lại, ăn, ở ... của công chứng viên và chi áp dụng cho một lần đi xác minh tại một địa điểm đối với một văn bản công chứng.</i></p>	2.000.000

Điều 2. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức trần công chứng quy định tại Điều 1 Quyết định này và niêm yết công khai các mức thù lao tại trụ sở của mình.

Tổ chức hành nghề công chứng thu thù lao cao hơn mức trần thù lao và mức thù lao đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng về thù lao công chứng.

Điều 3. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thu thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Tổ chức hành nghề công chứng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Cục Công tác phía Nam (BTP);
- TT.TU, TT.HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, P. NC-NgV. DN23 (06/4)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Văn Trầm